

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực giao thông vận tải trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 140/TTr-SGTVT ngày 16 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực giao thông vận tải trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC
Thủ tục hành chính nội bộ thuộc quản lý và thẩm quyền
Sở Giao thông vận tải
(Kèm theo Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Tên TTHC nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
2	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
3	Phê duyệt Đề án Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
4	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
5	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
6	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
7	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
8	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
9	Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
10	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Đường bộ	UBND cấp tỉnh
11	Phê duyệt kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải

Stt	Tên TTHC nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
12	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ
13	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
14	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác

1.1. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

1.1.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

1.1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

1.1.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

1.1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

1.1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

1.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

1.1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

1.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

1.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trừ trường hợp điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

1.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.2. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

1.2.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm b1 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh, hồ sơ theo quy định tại điểm b2 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ gửi quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

1.2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

1.2.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

1.2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

1.2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

1.2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

1.2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

1.2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

1.2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trừ trường hợp điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

1.2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐATT

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức trực tiếp tổ chức khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn khai thác tài sản (nếu có).

3. Phương thức tổ chức thực hiện khai thác tài sản.

4. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc trực tiếp khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; số để lại đơn vị.

5. Lý do khai thác tài sản theo phương thức “Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản”: Đánh giá hiệu quả dự tính của việc thực hiện Đề án này.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

2.1. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

2.1.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

2.1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

2.1.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

2.1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

2.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

2.1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

2.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

2.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không áp dụng đối với các loại tài sản sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thu phí sử dụng đường bộ theo quy định của pháp luật.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

2.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2.2. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

2.2.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm b1 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh, hồ sơ theo quy định tại điểm b2 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ gửi quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

2.2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

2.2.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

2.2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

2.2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

2.2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

2.2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

2.2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

2.2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không áp dụng đối với các loại tài sản sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thu phí sử dụng đường bộ theo quy định của pháp luật.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

2.2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TÀI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐACT

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Phê duyệt Đề án Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

3.1. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý

3.1.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

3.1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.1.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

3.1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

3.1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

3.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

3.1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

3.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

3.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không áp dụng đối với các loại tài sản sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

3.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3.2. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

3.2.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm b1 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh, hồ sơ theo quy định tại điểm b2 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ gửi quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

3.2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

3.2.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

3.2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

3.2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

3.2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

3.2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

3.2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

3.2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không áp dụng đối với các loại tài sản sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

3.2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐATP

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

4. Phê duyệt Đề án Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

4.1. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý:

4.1.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

4.1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

4.1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4.1.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

4.1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

4.1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

4.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

4.1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

4.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

4.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không áp dụng đối với các loại tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

4.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4.2. Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:

4.2.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản quy định tại điểm b1 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh, hồ sơ theo quy định tại điểm b2 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ gửi quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

4.2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

4.2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

+ Đề án khai thác tài sản theo mẫu: 01 bản chính;

+ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

+ Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4.2.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

4.2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

4.2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

4.2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản

4.2.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

4.2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình phê duyệt.

4.2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không áp dụng đối với các loại tài liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

4.2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐACN

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Điều kiện của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản

5.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản chưa phù hợp.

+ Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định này. Đối với trường hợp thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm d khoản 1 Điều này, sau khi có Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

5.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;
+ Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có): 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

+ Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này).

+ Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu kèm theo: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

5.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện

tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị thu hồi.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Tài sản kết cấu hạ tầng GTĐB bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- + Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý.
- + Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- + Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích, cho mượn tài sản.
- + Khi có phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/ cấp/ hạng	Số lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ / sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

6. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

6.1. Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

6.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm:

+ Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản trước khi bị mất, bị hủy hoại); lý do (nguyên nhân) bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

6.11.Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/ cấp/ hạng	Số lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ / sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....
3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)
.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

7. Thanh lý tài sản Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

7.1. Trình tự thực hiện:

+ Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP này báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP xem xét, quyết định;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp;

+ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP;

+ Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

7.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, gồm những nội dung chủ yếu sau đây: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do thanh lý; hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện

7.8. Phí, lệ phí (nếu có): không có

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản thanh lý.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thanh lý trong các trường hợp sau:

+ Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không có hiệu quả.

+ Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới hoặc để bảo đảm giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/ cấp/ hạng	Số lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ / sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....
3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

8. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

8.1. Trình tự thực hiện:

+ Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần điều chuyển, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi lấy ý kiến của cơ quan có liên quan theo quy định để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ và bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

Thực hiện kê toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kê toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Đối với trường hợp điều chuyển tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều này, sau khi có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

8.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

+ Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

+ Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Việc điều chuyển tài sản KCHTGTĐB được áp dụng trong các trường hợp sau:

+ Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ theo Quyết định điều chỉnh của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

+ Khi có phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/ cấp/ hạng	Số lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ / sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

9. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý

9.1. Trình tự thực hiện:

+ Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP;

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp;

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản này), kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản (đối với trường hợp còn lại), cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

9.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện hoặc cơ quan quản lý đường bộ cấp xã quản lý) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

+ Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý: 01 bản chính;

+ Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

+ Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

+ Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GTVT, UBND cấp tỉnh.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản gồm những nội dung chủ yếu sau: Tên cơ quan quản lý tài sản có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao; danh mục tài sản đề nghị chuyển giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện..

9.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- + Tài sản đã được giao cho cơ quan quản lý tài sản nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hoặc việc khai thác không hiệu quả.
- + Bị loại ra khỏi quy hoạch công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/ cấp/ hạng	Số lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ / sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

2. Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

10. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

10.1. Trình tự thực hiện:

+ Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý)

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với trường hợp thuộc;

10.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.

+ Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp dự kiến giao cho cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cơ quan quản lý đường bộ cấp xã): 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

+ Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

+ Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

10.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

11. Phê duyệt kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

11.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Thanh tra Sở lập kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trình Giám đốc Sở phê duyệt (xây dựng và phê duyệt trong kế hoạch kiểm tra hàng tháng của Thanh tra Sở).

- Bước 2: Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (Đội Hành chính tổng hợp và các Đội Thanh tra giao thông địa bàn) lập kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trình Chánh Thanh tra Sở phê duyệt (xây dựng và phê duyệt trong kế hoạch kiểm tra hàng tháng của đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ).

11.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo kế hoạch tháng về việc sử dụng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

11.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thanh tra Sở.

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch tháng về việc sử dụng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

11.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính

- Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải.

12. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III

12.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Xây dựng Đề án và các định chỉ tiêu thăng hạng

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải có nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III tiến hành xây dựng Đề án thăng hạng và gửi hồ sơ Đề án đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III đến Sở Giao thông vận tải. Trong đó, nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, số lượng viên chức

cần thăng hạng và các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định (Đề án phải phù hợp với nhu cầu và kế hoạch phát triển của đơn vị).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và thẩm định Đề án

+ Tiếp nhận hồ sơ Đề án từ các đơn vị trực thuộc và tiến hành thẩm định tính hợp lý, hợp lệ của Đề án.

+ Rà soát, đánh giá sự phù hợp của chỉ tiêu thăng hạng với kế hoạch phát triển của ngành và các quy định hiện hành.

- Bước 3: Trình Sở Nội vụ thẩm định Đề án và chỉ tiêu thăng hạng

Sở Giao thông vận tải trình Đề án và chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định theo thẩm quyền phân cấp.

- Bước 4: Sở Giao thông vận tải chủ trì tổ chức thi hoặc xét Thăng hạng

Sau khi có Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Giao thông vận tải tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III theo quy định.

- Bước 5: Ra Quyết định Bổ nhiệm và xếp Lương

Sau khi có kết quả thi hoặc xét thăng hạng, Sở Giao thông vận tải quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho viên chức thuộc quyền quản lý.

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

12.3. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III.

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

- Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

- Bản sao quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, quyết định nâng bậc lương gần nhất.

12.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

12.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Viên chức đăng kiểm hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

12.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang.

13. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III.

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng Đề án và các định chỉ tiêu thăng hạng

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải có nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III tiến hành xây dựng Đề án thăng hạng và gửi hồ sơ Đề án đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III đến Sở Giao thông vận tải. Trong đó, nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, số lượng viên chức cần thăng hạng và các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định (Đề án phải phù hợp với nhu cầu và kế hoạch phát triển của đơn vị).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và thẩm định Đề án

+ Tiếp nhận hồ sơ Đề án từ các đơn vị trực thuộc và tiến hành thẩm định tính hợp lý, hợp lệ của Đề án.

+ Rà soát, đánh giá sự phù hợp của chỉ tiêu thăng hạng với kế hoạch phát triển của ngành và các quy định hiện hành.

- Bước 3: Trình Sở Nội vụ thẩm định Đề án và chỉ tiêu thăng hạng

Sở Giao thông vận tải trình Đề án và chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định theo thẩm quyền phân cấp.

- Bước 4: Sở Giao thông vận tải chủ trì tổ chức thi hoặc xét Thăng hạng

Sau khi có Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Giao thông vận tải tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III theo quy định.

- Bước 5: Ra Quyết định Bổ nhiệm và xếp Lương

Sau khi có kết quả thi hoặc xét thăng hạng, Sở Giao thông vận tải quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho viên chức thuộc quyền quản lý.

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III.

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

- Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

- Bản sao quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, quyết định nâng bậc lương gần nhất.

13.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

13.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Quản lý dự án đường bộ hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

13.8. Phí, lệ phí (nếu có): Theo quy định.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang.

14. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III

14.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Xây dựng Đề án và các định chỉ tiêu thăng hạng

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải có nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III tiến hành xây dựng Đề án thăng hạng và gửi hồ sơ Đề án đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III đến Sở Giao thông vận tải. Trong đó, nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, số lượng viên chức cần thăng hạng và các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định (Đề án phải phù hợp với nhu cầu và kế hoạch phát triển của đơn vị).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và thẩm định Đề án

+ Tiếp nhận hồ sơ Đề án từ các đơn vị trực thuộc và tiến hành thẩm định tính hợp lý, hợp lệ của Đề án.

+ Rà soát, đánh giá sự phù hợp của chỉ tiêu thăng hạng với kế hoạch phát triển của ngành và các quy định hiện hành.

- Bước 3: Trình Sở Nội vụ thẩm định Đề án và chỉ tiêu thăng hạng

Sở Giao thông vận tải trình Đề án và chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định theo thẩm quyền phân cấp.

- Bước 4: Sở Giao thông vận tải chủ trì tổ chức thi hoặc xét Thăng hạng

Sau khi có Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ, Sở Giao thông vận tải tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III theo quy định.

- Bước 5: Ra Quyết định Bổ nhiệm và xếp Lương

Sau khi có kết quả thi hoặc xét thăng hạng, Sở Giao thông vận tải quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho viên chức thuộc quyền quản lý.

14.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

14.3. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

- Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III.

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

- Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

- Bản sao quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, quyết định nâng bậc lương gần nhất.

14.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

14.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh Kỹ thuật viên đường bộ hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

14.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang.